

Số: 68 /2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các huyện, thành phố và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- VP UBND tỉnh: LĐVP,
CVNCTH; Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, TH (HT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Kèm theo Quyết định số 68 /2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng bao gồm các nội dung sau: bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kê khai giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị được phân công, phân cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 3. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

d) Các sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì.

2. Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ trên cơ sở đề xuất của các sở quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 20 của Luật Giá trên cơ sở đề xuất của các sở quản lý ngành, lĩnh vực; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với các địa phương khác trong việc triển khai thực hiện bình ổn giá.

Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện định giá

1. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trong các trường hợp sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thẩm định phương án giá, xin ý kiến tham gia của cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và trình văn bản định giá trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với:

a) Hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

b) Hàng hóa, dịch vụ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể để đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh: cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng chịu trách nhiệm thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá; trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ tham mưu việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá.

5. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công về việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

6. Cơ quan thực hiện việc thẩm định phương án giá được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

7. Trường hợp cần phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục, hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.

8. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thuộc thẩm quyền ban hành.

Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện hiệp thương giá

1. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức hiệp thương giá, quá trình hiệp thương giá phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá của các bên đề nghị hiệp thương giá; từ chối xác định mức giá hàng hoá, dịch vụ nếu không đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành xác định mức giá quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các tài liệu cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để xác định mức giá.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 27 Luật Giá và Điều 13 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương gồm:

a) Dịch vụ lưu trú.

b) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà

nước.

- c) Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh.
- d) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.
- đ) Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch.
- e) Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước).
- g) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- h) Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá.

2. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

a) Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, các sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương.

b) Trường hợp đề nghị bổ sung hàng hóa, dịch vụ vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương, tại văn bản nêu rõ tên hàng hóa, dịch vụ, dự kiến đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ; đề xuất cơ quan có thẩm quyền quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) và cơ quan tiếp nhận kê khai giá của hàng hóa, dịch vụ đó.

c) Trường hợp đề nghị đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi Danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương, tại văn bản nêu rõ biện pháp quản lý giá thay thế đối với hàng hóa, dịch vụ đó.

3. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này và thực hiện quyền, trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

4. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá thuộc thẩm quyền ban hành.

5. Đối tượng thực hiện kê khai giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

b) Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định lại khoản 2 Điều 31 Luật Giá. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại các Điều 3, 4 và 6 quy định này.

Mục 2

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 8. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại Khoản 2 Điều này, xây dựng dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ, Đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

b) Sở Xây dựng:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

c) Sở Công Thương:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

d) Sở Y tế:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

đ) Sở Giao thông Vận tải:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

g) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

h) Cục Thống kê tỉnh:

Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

i) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

3. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

4. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

Điều 9. Báo cáo giá thị trường đột xuất

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng dự thảo báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành báo cáo giá thị trường đột xuất trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ khi có yêu cầu.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy

ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất cho Các sở quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

4. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

5. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Mục 3 **CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ**

Điều 10. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 11. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 12. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu.

d) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá.

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu.

b) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá.

6. Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

7. Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu.

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập.

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Mục 4**KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ****Điều 13. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá****1. Sở Tài chính:**

a) Kiểm tra các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 3, 4 và 6 quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 3, 4 và 6 quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

Việc xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch, quyết định kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 15. Tổ chức thực hiện**

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

Các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực

hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Những quy định quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

Phụ lục I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Kèm theo Quyết định số 68 /2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
A	Định khung giá		
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
B	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
C	Định giá cụ thể		
I	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ		
1	Nước sạch	- Sở Xây dựng đối với nước sạch đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với nước sạch nông thôn.	- Sở Xây dựng đối với nước sạch đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với nước sạch nông thôn. - Trường hợp công trình vừa cấp nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, vừa cấp nước nông thôn thì sản lượng cấp nước cho khu vực nào lớn hơn thì Sở chuyên ngành tương ứng chủ trì, phối hợp với Sở chuyên ngành còn lại thẩm định phương án giá
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
II	Định giá cụ thể		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	
3.1	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và không thuộc trường hợp tại mục 3.3		Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực
3.2	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện		Ủy ban nhân dân cấp huyện
3.3	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp		Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
5.1	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở Xây dựng
5.2	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp huyện
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	
7.1	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở Xây dựng
7.2	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp huyện
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông Vận tải	
8.1	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở Giao thông Vận tải

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
8.2	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp huyện
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
9.1	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở Xây dựng
9.2	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp huyện
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	
10.1	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở Công Thương
10.2	Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp huyện
D	Theo lĩnh vực định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
20	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực

Phụ lục II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ
(Kèm theo Quyết định số 68 /2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước	
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	Hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
3	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
7	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
8	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ vận chuyển hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông vận tải
12	Thiết bị y tế	Sở Y tế
13	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
14	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
7	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương